TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM** Bản án số: 11/2017/KDTM-ST Ngày: 17-8-2017 V/v tranh chấp hợp đồng cho vay bán lẻ.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông A Brưk.

2. Ông Nguyễn Danh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2016/TLST-KDTM ngày 21 tháng 10 năm 2016 về "tranh chấp hợp đồng cho vay bán lẻ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N Việt Nam..

Địa chỉ: 198 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông N ủy quyền cho ông L; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền đề ngày 25/4/2016).

Ông L ủy quyền cho ông P; chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền đề ngày 12/10/2016). (Có mặt).

Địa chỉ: Số 348 T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Anh N, sinh năm 1974. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Chị S, sinh năm 1986. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2016 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N Việt Nam trình bày:

Vào ngày 28/10/2015, Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum và anh N, chị S ký kết hợp đồng cho vay bán lẻ số 1966/15/CT/NHNT với mục đích sử dụng tiền vay là kinh tế phụ gia đình (kinh doanh thu mua mủ cao su). Theo đó, anh N và chị S vay của Ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 11 tháng (kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả hết nợ tính cho lần rút vốn và được ghi trên Giấy nhận nợ); lãi suất cho vay là 9%/năm; lãi suất quá hạn là 11,7%/năm; ngày giải ngân là 28/10/2015 và ngày đến hạn là 28/9/2016.

Để đảm bảo cho hợp đồng nêu trên, vào ngày 04/11/2014, Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum và anh N, chị S đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11/NHNT. Theo đó, anh N và chị S đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 354,7m^2, thuộc thửa đất số 330, tờ bản đồ số 08 tại thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 252435 do Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 08/3/2010 mang tên anh N và chị S).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh N và chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay yêu cầu Tòa án buộc anh N và chị S trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/8/2017 tổng cộng là 172.646.250 đồng *(Một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*. Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, nợ lãi là 22.646.250 đồng *(Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)* và toàn bộ các khoản phí phát sinh cho đến khi anh chị thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Trường hợp anh N và chị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm của anh chị theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11/NHNT ngày 04/11/2014 đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 03/11/2016 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh N trình bày:

Tôi thừa nhận tôi và chị S có ký kết với Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum các hợp đồng như trên. Tôi và chị S đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 288/2016/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Do điều kiện khó khăn và không thể liên lạc với chị S để cùng nhau trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến tình trạng vi phạm hợp đồng. Nay tôi có nguyện vọng tôi và chị S phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không thể trả được, tôi đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng để thu hồi nợ.

Bị đơn chị S đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn anh N đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị S dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 4 Luật thương mại, các Điều 280, 298, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 470 và 500 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam. Buộc anh N và chị S trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum số tiền tổng cộng là 172.646.250 đồng. Trong đó, nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 22.646.250 đồng. Trường hợp anh N và chị S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được thực hiện việc phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo hợp đồng cho vay bán lẻ số 1966/15/CT/NHNT ngày 28/10/2015, anh N và chị S có vay của Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum số tiền 150.000.000 đồng với mục đích sử dụng tiền vay là kinh tế phụ gia đình

(kinh doanh thu mua mủ cao su); thời hạn cho vay là 11 tháng (kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả hết nợ tính cho từng lần rút vốn và được ghi trên Giấy nhận nợ). Lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 11,7%/năm, ngày giải ngân là 28/10/2015 và ngày đến hạn là 28/9/2016. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi, được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2017). Tuy nhiên, các giao dịch này thuộc trường hợp *"chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện"* mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay bán lẻ nêu trên, ngày 04/11/2014, anh N và chị S đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11/NHNT với Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum. Theo đó, anh N và chị S đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 354,7m^2, thuộc thửa đất số 330, tờ bản đồ số 08 tại thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 252435 do Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 08/3/2010 mang tên anh N và chị S). Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/11/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng tài nguyên và môi trường thành phố K, tỉnh Kon Tum.

[3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay bán lẻ, anh N và chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh N và chị S phải trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum số tiền tổng cộng là 172.646.250 đồng *(Một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*. Trong đó, 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và 22.646.250 đồng *(Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)* tiền lãi.

[4] Trường hợp anh N và chị S không trả đúng, đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam- chi nhánh Kon Tum thì theo quy định tại các Điều 298, 299, 317 và 323 Bộ luật dân sự, tài sản thế chấp nói trên sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam – chi nhánh Kon Tum.

[5] Đối với bị đơn chị S đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, chị S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP N Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn anh N và chị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"tranh chấp hợp đồng cho vay bán lẻ"* của Ngân hàng TMCP N Việt Nam, đơn đề ngày 12/10/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật thương mại năm 2005; các Điều 280, 298, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470, 500 và 688 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

Buộc anh N và chị S trả cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam- chi nhánh Kon Tum số tiền tổng cộng là 172.646.250 đồng *(Một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)*. Trong đó, 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* tiền gốc và 22.646.250 đồng *(Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng)* tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà anh N và chị S không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam- chi nhánh Kon Tum thì tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/11/NHNT ngày 04/11/2014 là quyền sử dụng đất đối với diện tích 354,7m^2, thuộc thửa đất số 330, tờ bản đồ số 08 tại thôn 9, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 252435 do Uỷ ban nhân dân thành phố Kon Tum cấp ngày 08/3/2010 mang tên anh N và chị S) sẽ được phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh N và chị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay bán lẻ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum thì lãi suất mà anh N và chị S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP N Việt Nam– chi nhánh Kon Tum.

Về án phí: Áp dụng các Điều 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 5, 18, khoản 1 Điều 24, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh N và chị S phải chịu 8.632.312 đồng *(Tám triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm mười hai đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N Việt Nam 3.939.562 *(Ba triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000166 ngày 21/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/8/2017), nguyên đơn, bị đơn anh N có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn chị S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Toàn